

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30-3-2023

V/v tranh chấp hôn nhân  
và gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DL, TỈNH LD

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Bá Cường Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Phương và ông Bùi Ngọc Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Dàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện DL, tỉnh LD.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện DL, tỉnh LD tham gia phiên tòa:** Ông K'Dem – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DL, tỉnh LD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện DL về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-DS ngày 21/3/2023 của Tòa án huyện DL giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mười B; sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số A đường Phan A, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh LD.

Bị đơn: Ông Lê D; sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số X thôn D, xã S, huyện DL, tỉnh LD.

*Bà Mười B và anh D có mặt tại phiên Tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Mười B trình bày như sau: Bà và ông D sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2018 tại UBND xã Gung Ré, huyện DL, tỉnh LD. Đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng không chia sẻ khó khăn cho nhau, anh D uống rượu chửi bới, vợ chồng có nhiều lần đánh nhau. Từ cuối năm 2020 vợ chồng đã ly thân đến nay. Xác định không còn yêu thương, quý trọng nhau nên xin ly hôn. Về nuôi con chung. Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung. Vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại thửa 318; Bản đồ 29 thị trấn DL. Trước thời điểm Tòa án hòa giải thì vợ chồng đã trả hết nợ cho Ngân hàng Bưu điện để lấy Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất về, sau đó vợ chồng thống nhất tự phân chia. Theo đó bà B sẽ nhận nhà và đất nói trên, đồng thời bà B có trách nhiệm giao cho ông D 150.000.000đ. Do vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên khi ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản. Vợ chồng cũng không có thỏa thuận gì về chế độ tài sản của vợ chồng. Sức khỏe của bà B hiện nay tốt, không có thai nghén gì cả. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là Giấy chứng nhận kết hôn.

*Bị đơn ông D trình bày:* Việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung như bà B trình bày là đúng. Sau khi bà B khởi kiện thì ông D có yêu cầu phản tố để phân chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất tại thửa 318; Bản đồ 29 thị trấn DL. Tuy nhiên, trước khi tòa tiến hành hòa giải thì ông D và bà B thống nhất, tự phân chia tài sản chung. Vì vậy ông D đã có đơn rút lại yêu cầu phản tố.

#### *Tại phiên tòa*

Bà B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông D, không bổ sung thay đổi gì, tự nguyện chịu án phí theo quy định, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ông D xác định khi sự việc đã khởi kiện đến Tòa án rồi thì vợ chồng không còn tình cảm gì nữa. Ông đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DL phát biểu: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị căn cứ vào Điều 51; 55 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Mười B và ông Lê D có nơi đăng ký thường trú tại huyện DL, tỉnh LD, tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện DL có thẩm quyền giải quyết là đúng quy định.

[2] Nội dung tranh chấp.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mười B và ông Lê D sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2018 tại UBND xã Gung Ré, huyện DL, tỉnh LD là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Từ đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng không chia sẻ khó khăn cho nhau, ông D uống rượu chửi bới, vợ chồng đã có nhiều lần đánh nhau. Hành vi dùng bạo lực của ông D thể hiện thái độ không thương yêu, tôn trọng sức khỏe của bà B. Cũng từ đầu năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Trước và trong quá trình tòa án giải quyết tranh chấp, ông D và bà B không có mong muốn quay về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương quý trọng, lo lắng cho cuộc sống chung. Căn cứ Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử cần xem xét công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Bà Lê Thị Mười B và ông Lê D là phù hợp.

[2.2] Về Nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về phần tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lê Thị Mười B phải chịu là 300.000 đồng án phí xin ly hôn là đúng quy định.

[4] Trong quá trình giải quyết, ngày 21/3/2023, ông D có đơn rút lại yêu cầu phản tố. Xét yêu cầu này là tự nguyện. Căn cứ điểm 7 mục IV, Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu phản tố này là đúng quy định.

[5] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DL về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 điểm của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mười B và ông Lê D được ly hôn.
2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.
3. Về phần tài sản: Không đặt ra giải quyết.
4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Lê D về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Bà Lê Thị Mười B phải chịu 300.000 đồng (*B trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007063 ngày 30/01/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện DL, bà B đã nộp đủ.

5.2. Trả lại cho ông Lê D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 11.000.000đ (mười một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0007181 ngày 17/3/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện DL.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Mười B và ông Lê D có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh LD;
- VKSND huyện DL;
- Chi cục THADS huyện DL;
- UBND xã Gung Ré;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Bá Cường Huy**